TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ THUẬN AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 836/2018/QĐST-HNGĐ	*Thuận An, ngày 16 tháng 11 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 57; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1216/2018/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2018 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Huỳnh Anh H, sinh năm 1982; thường trú tại: Ấp B, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú: 11/14 khu phố Đ, phường V, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

- Bà Phạm Thị Thanh N, sinh năm 1986; thường trú tại: Thôn X, xã H, huyện T, tỉnh Bình Thuận; tạm trú: 11/14 khu phố Đ, phường V, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Huỳnh Anh H và bà Phạm Thị Thanh N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 11/4/2015. Trong thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, không mang lại hạnh phúc cho nhau, thường xuyên cãi vả, xúc phạm lẫn nhau. Nay, xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, ông H và bà N yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Trong quá trình chung sống, ông H và bà N có 01 con chung tên Huỳnh Phạm Nhã P, sinh ngày 21/3/2016. Ông H và bà N thống nhất: Sau khi ly hôn, bà Phạm Thị Thanh N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, ông Huỳnh Anh H cấp dưỡng nuôi con số tiền 5.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[3] Ông Huỳnh Anh H và bà Phạm Thị Thanh N thống nhất không yêu cầu Tòa án

giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa ông H và bà N là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con sau khi ly hôn, thỏa thuận về tài sản chung, nợ chung là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Huỳnh Anh H và bà Phạm Thị Thanh N.

- Về con chung: Khi ly hôn, bà Phạm Thị Thanh N là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Huỳnh Phạm Nhã P, sinh ngày 21/3/2016. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Huỳnh Anh H cấp dưỡng nuôi con số tiền 5.000.000 đồng/tháng, thực hiện cấp dưỡng từ tháng 12/2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án không thanh toán số tiền trên cho người được thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án thì còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời hạn và số tiền chậm trả.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Ông Huỳnh Anh H và bà Phạm Thị Thanh N tự nguyện chịu 300.000 đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0024381 ngày 24/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Thuận An.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Thuận An;
- Chi cục THADS thị xã Thuận An;
- UBND xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

THẨM PHÁN

Lê Hoàng Vương